

Bản án số: 115/2024/HNST
Ngày: 05-8-2024
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thế Dũng

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn
Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện VKSND TP. tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc T - Kiểm sát viên.

Ngày 05-8-2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 175/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐSTXX-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐ-HPT ngày 29-7-2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tú L, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

* Bị đơn: Ông Trương Quang T1, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ số A, đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú L trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, bà và ông Trương Quang T1 tự nguyện kết hôn và đăng ký hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Bình Định vào ngày 02-4-2008. Trong thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình hai bên không hòa hợp, tính tình ông T1 gia trưởng, mọi việc đều bắt bà phải làm theo đúng ý ông T1, nếu không thì cản nhàn cả mấy tiếng đồng hồ hoặc ông còn nói với người quen của vợ chồng là bà ngoại tình. Hơn thế nữa, ông T1 đã có hành vi dùng bạo lực đánh bà. Hai bên đã cố gắng cùng nói chuyện để tìm phương án giải quyết. Vì con, bà đã cho ông T1 nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng ông T1 không những không thay đổi mà ngày càng nặng hơn. Hiện nay, bà và ông T1 đã sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay, mỗi

người sống một nơi. Thấy rằng, vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Quang T1.
- Về con chung: Bà và ông T1 có 02 con chung, gồm: Trương Tiểu N, sinh ngày 20-12-2007 và Trương Tiểu Y, sinh ngày 09-6-2014. Bà có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Trường hợp ông T1 cũng yêu cầu nuôi 02 con thì bà đồng ý để ông T1 trực tiếp nuôi 02 chung chung, bà không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Trương Quang T1 trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Tú L quen biết, tìm hiểu nhau tại Vũng Tàu khoảng 05 năm. Năm 2008, 02 người tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. Sau đăng ký kết hôn, vợ chồng ông vào Vũng Tàu làm ăn sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng mỗi lần vợ chồng va chạm, xích mích, bà L thường có hành vi đánh ông bằng hình thức đấm, cắn nhiều lần. Đến khoảng tháng 01-2024, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do kinh doanh khó khăn, bất đồng quan điểm trong quản lý nhân sự. Ông vừa chăm con, vừa kinh doanh. Bà L bị stress thường xuyên đi chơi về khuya. Ông đã khuyên bảo nhưng bà L không nghe dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau. Lúc vợ chồng va chạm, xích mích, ông có bạt tai bà L nên bà L giận dữ một mình tự về nhà mẹ đẻ ở xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu từ ngày 06-5-2024 sinh sống đến nay. Ông vẫn sinh sống kinh doanh tại A, đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Mặc dù, vợ chồng mỗi người một nơi nhưng vẫn liên lạc qua điện thoại với nhau, ông và gia đình vợ khuyên bảo bà L đoàn tụ vợ chồng nhưng bà L còn đang suy nghĩ. Trước yêu cầu ly hôn của bà L, ông có ý kiến cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn vì trong lúc nóng giận bà L nộp đơn ly hôn nên tôi đề nghị Tòa cho thời gian để bà L bình tâm suy nghĩ lại.
- Về con chung: Ông và bà L có 02 con chung, gồm: Trương Tiểu N, sinh ngày 20-12-2007 và Trương Tiểu Y, sinh ngày 09-6-2014. Trường hợp bà L cương quyết ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng vì hiện nay, bà L sức khỏe yếu ở nhà không có thu nhập. Mọi chi phí học hành của 02 con, gồm cháu Ngọc h ở TP . và cháu Y học ở Vũng Tàu và tiền mua thuốc, đồ ăn, chi tiêu cho bà L đều do ông đứng ra lo toan
- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

- Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời thừa nhận của các đương sự trong quá trình tố tụng có cơ sở xác định, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L và ông T1 là có thật, vợ chồng đã ly thân sống mỗi người một nơi từ tháng 5-2024 đến

nay, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, giao con chung cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Tú L và ông Trương Quang T1 tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. Nay bà L có đơn yêu cầu ly hôn với ông T1. Ông T1 cư trú, sinh sống tại thành phố V. Do đó, xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T1 tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Bình Định, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 02-4-2008 nên hôn nhân là hợp pháp.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, hai bên thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh do kinh doanh gặp khó khăn, bất đồng quan điểm trong quản lý nhân sự, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc, không tin tưởng nhau, cả hai bên đều có hành vi bạo lực gia đình nên từ ngày 06-5-2024 đến nay, bà L và ông T1 ly thân sống mỗi người một nơi, bà L một mình về nhà mẹ đẻ ở xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu sinh sống đến nay. Còn ông vẫn sinh sống kinh doanh tại 135, đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của bà L và ông T1 là có thật dẫn đến vợ chồng ly thân mỗi người sống một nơi. Quá trình tố tụng ông T1 không đồng ý ly hôn, còn bà L vẫn cương quyết ly hôn. Từ đó có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của bà L và ông T1 không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu của bà L về việc được ly hôn với ông T1 theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Bà L và ông T1 có gồm: Trương Tiểu N, sinh ngày 20-12-2007 và Trương Tiểu Y, sinh ngày 09-6-2014. Cả L và ông T1 đều có yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà L xác nhận trường hợp ông T1 tranh chấp nuôi 02 con chung thì bà đồng ý để ông T1 trực tiếp nuôi 02 con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con. Cả 02 cháu Trương Tiểu Y và Trương Tiểu N đều có nguyện vọng ở với ông T1, do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Y và cháu N cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Bà L không cấp

dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36; Điều 39 và Điều 200 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tú L được ly hôn với ông Trương Quang T1.

[2]. Về con chung: Bà L và ông T1 có 02 con chung, gồm: Trương Tiểu N, sinh ngày 20-12-2007 và Trương Tiểu Y, sinh ngày 09-6-2014.

Theo nguyện vọng của con chung và sự thỏa thuận của các đương sự, Hội đồng xét xử giao 02 con chung Trương Tiểu N và Trương Tiểu Y cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng; Bà L không cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí được bà L nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005469 ngày 27-3-2024 của Chi cục Thi hành án thành phố Vũng Tàu

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết công khai) yêu cầu tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án DS TP. Vũng Tàu;
- UBND xã Ân Đức,
huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

Đoàn Thế Dũng

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**